

CÔNG TY CỔ PHẦN MCORP VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MCORP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MCORP VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MCORP VIETNAM

2. Mã số doanh nghiệp: 0109232746

3. Ngày thành lập: 23/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1,12/33, Ngõ 162 Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
2.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649(Chính)
6.	Bán buôn tổng hợp Trừ các loại Nhà nước cấm	4690
7.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Trừ vàng miếng, tem, súng đạn, tiền kim khí các loại	4773
8.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
9.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ tư vấn pháp luật về bất động sản, tư vấn về tài chính bất động sản) Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản động sản	6820
10.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
11.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
12.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

13.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức	4722
14.	Xây dựng nhà để ở	4101
15.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
19.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
20.	Đúc sắt, thép	2431
21.	Đúc kim loại màu	2432
22.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
26.	Bán buôn thực phẩm	4632
27.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
28.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.	7110
29.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
30.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
31.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Trừ vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
32.	Điều hành tua du lịch	7912
33.	Đại lý du lịch	7911
34.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Trừ hợp báo	7990
35.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721

36.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
37.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
38.	Dịch vụ ăn uống khác Trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ	5629
39.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ	5630
40.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229
42.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Hoạt động tổ chức triển lãm, sự kiện, hội chợ, giới thiệu, hội nghị.	8230
43.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa	4610
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ANH HIẾU	12 Ngõ 4 Ngách 35 phố Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.940.000	29.400.000.000	98,000	001076013138	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.940.000	29.400.000.000	98,000		
2	TRẦN MAI HỒNG	Phòng 305- Tập thể Dục, 95A Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	1,000	001175016407	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	1,000		

3	TRẦN THỊ NGO	thôn Đồng Vũ, Xã Trường Thịnh, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	1,000	0011900120 34
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	30.000	300.000.000	1,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ANH HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/01/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001076013138

Ngày cấp: 18/10/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 12 Ngõ 4 Ngách 35 phố Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 12 Ngõ 4 Ngách 35 phố Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội